TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 476/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 494/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2026 về việc*"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn* ", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1991; CCCD số 048091005122, cấp ngày 09/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; địa chỉ: Số A đường L, phường A, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1991; CCCD số 051191006345 cấp ngày 30/11/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; địa chỉ: Số A đường L, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Hiện đang ở tại: Số C đường D, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình đề ngày 07/4/2026 và tại phiên hòa giải ngày 05/9/2026 của người yêu cầu ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân*:* Ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H tự nguyện kết hôn vào ngày 24/12/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng). Do đó hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên thừa nhận quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được nên không đồng ý đoàn tụ và thống nhất ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H có một con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 25/12/2019. Ly hôn ông N và bà H thỏa thuận thống nhất bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2026, vào ngày 10 hàng tháng.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H là sự thỏa thuận tự nguyện phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H không có.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H thỏa thuận thống nhất bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Nhật A, sinh ngày 25/12/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2026, vào ngày 10 hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Diễm H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002029 ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THA dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải, Đà Nẵng;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Vân